

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DSPT
Ngày 10 - 3 - 2020
V/v Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng
xây dựng, yêu cầu bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Liên

Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018 về “*Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng xây dựng, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2017/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2020/QĐPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông La Quan L, sinh năm 1964

Địa chỉ: Phường C, quận K, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Phường P, quận R, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thúy P, sinh năm 1957 (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2014).

Địa chỉ: Phường A, quận K, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Bùi Ngọc T, Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Trương Hữu Đ, sinh năm 1955

Địa chỉ: Phường L, quận K, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960

Địa chỉ: Phường P, quận R, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

3. Ông Lâm Văn H1

Địa chỉ: Phường C, quận K, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

- Người kháng cáo:

1. Ông La Quan L là nguyên đơn;

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông La Quan L trình bày:

Ngày 01/7/2010, ông và bà Huỳnh Thị Ngọc H có ký hợp đồng xây dựng nhà ở tại quận R, thành phố Cần Thơ với giá trị hợp đồng là 960.000.000 đồng. Bà Hạnh đã thanh toán đợt 01 bằng cách chuyển khoản qua Ngân hàng V số tiền 300.000.000 đồng. Đợt 02 bà H rút tiền mặt và thanh toán cho ông L 300.000.000 đồng tại Ngân hàng N. Bà H còn nợ lại 360.000.000 đồng theo hợp đồng. Ngoài ra, bà H phải thanh toán thêm tiền phát sinh trong quá trình xây dựng là 25.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H còn nợ là 385.000.000 đồng. Bà H đã dọn vào nhà ở từ năm 2011 đến nay nhưng không thanh toán số tiền còn lại. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền trên và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 21/02/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản của nhà nước quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông yêu cầu bà H trả cho ông số tiền 360.000.000 đồng tiền nợ xây dựng và 10.000.000 đồng chi phí phát sinh, tổng cộng là 370.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu phản tố và quá trình giải quyết vụ kiện, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Trần Thúy P trình bày:

Bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông La Quan L có giao kết hợp đồng xây dựng, giá trị hợp đồng là 960.000.000 đồng. Tháng 7/2010, bà H đã thanh toán 300.000.000 đồng tại Ngân hàng V bằng cách chuyển khoản, ngày 18/01/2011 bà H giao tiền mặt 500.000.000 đồng tại Ngân hàng N nhưng không làm biên nhận. Cả 02 lần giao tiền đều có ông Trương Hữu Đ chứng kiến. Tổng số tiền bà Hạnh đã thanh toán là 800.000.000 đồng. Số tiền phát sinh trong quá trình xây dựng chỉ chấp nhận 10.000.000 đồng tiền vật tư xây dựng. Tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn là 170.000.000 đồng. Lý do chậm giao tiền còn lại là do nguyên đơn xây dựng công trình kém chất lượng nên bị đơn không đồng ý trả. Vì vậy, bị đơn phản tố yêu cầu giám định chất lượng công trình xây dựng, buộc nguyên đơn khắc

phục hậu quả hư hỏng do xây dựng công trình kém chất lượng để trừ lại trong số tiền 170.000.000 đồng bị đơn còn nợ lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2017/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông La Quan L. Bà Huỳnh Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho ông La Quan L số tiền còn nợ của hợp đồng xây dựng là 170.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H.

Ông La Quan L bồi thường cho bà Huỳnh Thị Ngọc H tổng chi phí khắc phục nâng, sửa chữa lại căn nhà tại phường P, quận R, thành phố Cần Thơ với số tiền là 374.570.000 đồng.

3. Chi phí giám định công trình xây dựng, thẩm định tại chỗ: Về chi phí giám định xây dựng - Theo biên lai thu tổng cộng là 54.445.000 đồng và chi phí thẩm định là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí này, bị đơn tạm nộp toàn bộ số tiền này nên nguyên đơn phải nộp hoàn lại cho bị đơn tổng cộng là 57.445.000 đồng tại giai đoạn thi hành án.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 18.728.500 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp 4.812.500 đồng theo biên lai thu số 0000593 ngày 17/01/2014, thì ông L còn phải nộp thêm 13.916.000 đồng. Bị đơn phải nộp 8.500.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 2.125.000 đồng, theo biên lai thu số 007726 ngày 12/10/2016 thì bà H phải nộp thêm 6.375.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo quy định của pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 09/9/2017, nguyên đơn ông La Quan L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bác yêu cầu phản tố của bị đơn, xem lại chi phí giám định công trình giám định công trình xây dựng.

Theo đơn kháng cáo đề ngày 09/10/2017, bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 160.000.000 đồng, đồng thời xem xét giảm án phí 50% vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Đối với kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị Ngọc H: Bà H xin được giảm số tiền phải trả cho nguyên đơn La Quan L là 160.000.000 đồng (thay vì 170.000.000 đồng) là có căn cứ. Bị đơn là người có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của địa phương nên kháng cáo xin giảm án phí của bị đơn là có cơ sở.

Đối với kháng cáo của nguyên đơn: Yêu cầu chấp nhận yêu cầu đòi bị đơn 385.000.000 đồng, luật sư cho rằng ở lần giao thứ 2, bị đơn giao nguyên đơn 500.000.000 đồng có giấy rút tiền của Ngân hàng và có xác nhận của những người làm chứng như Trương Hữu Đ, Nguyễn Thị T1, Lâm Văn H1. Bị đơn cũng xác định được mệnh giá tiền đã đưa cho nguyên đơn.

Nguyên đơn xây nhà không đảm bảo chất lượng, có kết luận giám định nên phải có nghĩa vụ bồi thường chi phí sửa chữa là 174.570.000 đồng. Ngoài ra, nhà bị đơn còn bị nghiêng lún. Chi phí nâng chỉnh là 200.000.000 đồng đã được Công ty TNHH Một thành viên U xác định nên nguyên đơn phải hoàn trả cho bị đơn hai khoản chi phí này.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Nguyên đơn, bị đơn có đơn kháng cáo và đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ về mặt hình thức. Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đối với khoản tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 385.000.000 đồng, phía bị đơn chỉ mới chứng minh đã trả được 600.000.000 đồng trên tổng số tiền 960.000.000 đồng, gồm lần I: Bị đơn trả 300.000.000 đồng, số tiền này bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn. Ở lần trả tiền này, số tiền giao nhận cả nguyên đơn và bị đơn đều thông nhất. Nhưng ở lần trả thứ II, bị đơn trình bày đã trả 500.000.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận mới nhận 300.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng có một số người làm chứng chứng kiến. Qua đối chiếu lời trình bày của các đương sự, của người làm chứng thấy chưa có căn cứ chứng minh ở lần này nguyên đơn nhận 500.000.000 đồng. Lúc giao tiền, các bên cũng không làm biên nhận, trong khi nguyên đơn chỉ thừa nhận có nhận 300.000.000 đồng. Nên chỉ chấp nhận nguyên đơn nhận 02 lần của bị đơn là 600.000.000 đồng, cùng với chi phí phát sinh là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu đòi 370.000.000 đồng là có căn cứ.

Kết quả giám định chứng minh nhà nguyên đơn xây dựng cho bị đơn là chưa đảm bảo chất lượng nên nguyên đơn phải chịu chi phí sửa chữa 174.570.000 đồng và chi phí giám định. Riêng chi phí nâng chỉnh nhà là 200.000.000 đồng theo tính toán của Công ty U là chưa có căn cứ vì tại công văn số 304/2019.CV-TTGDCL ngày 29/8/2019 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thì “chi phí nâng chỉnh hiện tại không có đơn giá” nên việc Công ty TNHH Một thành viên xác định chi phí như trên là chưa có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện chấp nhận chi phí này là 50.000.000 đồng nên cần ghi nhận. Bị đơn là gia đình khó khăn và có xác nhận ở địa phương nên đề nghị giảm 50% án phí.

Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các bên đương sự, của luật sư và Kiểm sát viên.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông La Quan L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H phải trả số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng xây dựng đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại do nguyên đơn đã xây dựng công trình kém chất lượng. Tòa án nhân dân quận Cái Răng xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng xây dựng, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” là đúng theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xong, phía nguyên đơn và bị đơn đều có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Việc kháng cáo của các đương sự là trong hạn luật định và có nội dung ủng hộ án phí nên kháng cáo đảm bảo về mặt hình thức.

Về mặt nội dung: Qua yêu cầu kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy: Vào ngày 01/7/2010, nguyên đơn và bị đơn có ký với nhau hợp đồng kinh tế về việc thi công xây dựng nhà ở gia đình với nội dung nguyên đơn sẽ thi công hoàn chỉnh công trình nhà ở cho bị đơn tại địa chỉ phường P, quận R, thành phố Cần Thơ. Diện tích xây dựng là 81m²; kết cấu nhà: Bê tông cốt thép, khung chịu lực; số tầng: 03 tầng, thời gian thực hiện trong 06 tháng, giá trị hợp đồng là 960.000.000 đồng. Căn cứ theo hợp đồng thì việc thanh toán hợp đồng được chia thành 05 đợt như sau: Đợt 1: Sau khi ký hợp đồng bên A (bị đơn) tạm ứng cho bên B (nguyên đơn) số tiền 300.000.000 đồng; Đợt 02: Khi bên B thực hiện xong phần kết cấu bê tông mái, bên A tạm ứng cho bên B số tiền 300.000.000 đồng; Đợt 03: Khi bên B bắt đầu lát gạch nền của công trình, bên A tạm ứng cho bên B số tiền 200.000.000 đồng; Đợt 4: Sau khi bàn giao sản phẩm hoàn thành 02 bên tiến hành nghiệm thu bên A thanh toán cho bên B số tiền 110.000.000 đồng; Đợt 05: Sau khi bàn giao công trình vào sử dụng 12 tháng, 02 bên tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí còn lại cho bên B số tiền 50.000.000 đồng; hình thức thanh toán bằng tiền mặt. Nguyên đơn đã hoàn thành việc xây dựng và bị đơn đã nhận nhà ở từ tháng 02/2011.

Đối với việc thanh toán lần thứ nhất số tiền 300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản thì các đương sự thống nhất, không có ý kiến gì. Tuy nhiên, đối với việc thanh toán lần thứ hai thì phát sinh tranh chấp khi bị đơn cho rằng đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng và giao tiền mặt, tuy không có làm biên nhận nhưng có ông Trương Hữu Đ chứng kiến. Trong khi đó, nguyên đơn chỉ thừa nhận đã nhận của bị đơn số tiền 300.000.000 đồng. Xét thấy, Tòa án

cấp sơ thẩm dựa trên những lời khai của những người làm chứng, đối chiếu với tiến độ thực hiện hợp đồng cho rằng việc thanh toán lần thứ hai bị đơn đã giao cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng là chưa hợp lý bởi lẽ đối với việc giao nhận tiền lần thứ hai thì các bên không có làm biên nhận. Bị đơn không có cung cấp chứng cứ thuyết phục gì để chứng minh trong khi nguyên đơn chỉ thừa nhận đã nhận của bị đơn số tiền là 300.000.000 đồng. Mặt khác, căn cứ theo sự thỏa thuận của hai bên, số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn ở đợt II chỉ là 300.000.000 đồng. Do đó, chỉ xem xét ghi nhận sự thừa nhận của nguyên đơn đã nhận số tiền 300.000.000 đồng đối với việc thanh toán lần thứ hai. Qua 02 đợt thì bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Sau lần trả nợ này, phía bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn thêm lần nào nữa. Như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn 370.000.000 đồng (bao gồm 10.000.000 đồng chi phí phát sinh) nên phải có nghĩa vụ trả số tiền này cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại: Căn cứ theo Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng hiện trạng công trình ngày 12/6/2017 của Trung tâm kiểm định và quy hoạch xây dựng thể hiện:

1. Tình trạng hư hỏng các hạng mục công trình:

- Hệ thống cấp, thoát nước 1 vệ sinh Trệt, 02 vệ sinh lầu, 1 vệ sinh lầu 2 bị rò rỉ.
- Hệ thống điện tầng trệt bị hư.
- Tường tầng trệt, lầu 1 bị thấm mục, rong rêu xâm thực
- Gạch lát, gạch dán, đá trang trí tầng trệt, lầu 1 bị thấm mục
- Hệ thống cửa đi chính tầng trệt, lầu 1 bị rỉ sét
- Trần thạch cao tầng trệt và khu vệ sinh lầu 1 bị sập
- Đá Granic mặt tiền, tam cấp, cầu thang bị thấm
- Nền tầng trệt, sàn lầu 1, lầu 2 bị nghiêng, hạn chế cho việc sử dụng.

2. Khả năng chịu lực nền móng công trình hiện trạng: Nền móng bê tông cốt thép gia cố cừ tràm nền công trình chưa đạt yêu cầu khả năng chịu lực.

3. Nguyên nhân gây hư hỏng công trình; theo kết quả giám định:

- Thi công nền móng công trình không đảm bảo khả năng chịu lực, dẫn đến công trình bị nghiêng lún, gây nứt công trình.
- Thi công hệ thống cấp, thoát nước chưa đảm bảo kỹ thuật dẫn đến rò rỉ nước công trình bị thấm mục tường, nền, sàn, trần nhà, hư hệ thống điện, hư cửa đi.

Từ kết quả giám định của cơ quan chuyên môn cho thấy, nguyên đơn thi công công trình đã không bảo đảm chất lượng theo thỏa thuận và theo tiêu chuẩn xây dựng hiện hành, do đó lỗi được xác định thuộc về nguyên đơn, nên nguyên đơn phải có nghĩa vụ bồi thường, khắc phục, sửa chữa công trình. Theo kết luận giám định thì chi phí khắc phục hư hỏng hiện trạng và hệ thống điện nước là 56.990.000 đồng và chi phí gia cố nền móng và hoàn thiện tầng trệt là 117.580.000

đồng. Tổng chi phí khắc phục thiệt hại cho công trình (chưa bao gồm chi phí nâng chỉnh công trình) là 174.570.000 đồng.

Đối với chi phí thi công nâng chỉnh nhà, trên thực tế, việc nâng chỉnh chưa được tiến hành, chưa có bản chiết tính cụ thể về chi phí, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo báo giá của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên U và buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng là chưa phù hợp bởi lẽ theo báo giá của Công ty TNHH Một thành viên không thể hiện rõ chi phí cụ thể từng khoản là bao nhiêu cũng như quy trình, phương pháp thực hiện thi công nâng chỉnh nhà như thế nào để có khoản chi phí nêu trên. Đồng thời, theo Công văn số 304/2019.CV-TTGDCL ngày 29/8/2019 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng xác định chi phí nâng chỉnh công trình hiện tại không có đơn giá định mức nên Hội đồng xét xử không thể xác định được, do đó không thể buộc nguyên đơn phải chịu chi phí với số tiền là 200.000.000 đồng như tính toán của công ty U. Các bên không thỏa thuận được khoản chi phí này. Các bên cũng không đồng ý việc nguyên đơn thực hiện công việc nâng chỉnh nhà cho bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện chịu thêm khoản chi phí là 50.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại nâng chỉnh nhà cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Như vậy, tổng số tiền mà nguyên đơn phải bồi thường cho bị đơn là 174.570.000 đồng + 50.000.000 đồng = 224.570.000 đồng. Do đó, chỉ có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận một phần.

Đối với kháng cáo đề nghị xem xét lại chi phí giám định công trình xây dựng, đồng thời đề nghị giám định chất lượng xây dựng lại của nguyên đơn. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn có đặt ra yêu cầu giám định lại và lựa chọn tổ chức giám định nhưng không được sự đồng ý của phía bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn không có ý kiến phản đối về cơ quan giám định là Trung tâm kiểm định và quy hoạch xây dựng, khi có báo cáo kết quả kiểm định chất lượng hiện trạng công trình ngày 12/6/2017 và chi phí giám định thì phía nguyên đơn cũng không có khiếu nại gì. Đồng thời, căn cứ theo khoản 5 Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: *“Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp đặc biệt theo quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của Luật giám định tư pháp”*. Như vậy, xét thấy chưa có căn cứ nào cho rằng kết luận giám định của Trung tâm kiểm định và quy hoạch xây dựng là không chính xác, có vi phạm pháp luật và cũng không thuộc trường hợp đặc biệt theo quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của Luật giám định tư pháp. Từ đó, xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này là không có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn:

Bị đơn không đồng ý trả số tiền phát sinh thêm là 10.000.000 đồng cho nguyên đơn là chưa phù hợp, bởi vì trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn cũng đã chấp nhận trả số tiền 10.000.000 đồng tiền vật tư xây dựng và đây cũng là khoản chi phí phát sinh hợp lý. Do đó, bị đơn phải có trách nhiệm trả khoản tiền này cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu xin được giảm án phí, xét thấy bị đơn đã có đơn xin giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận giảm 50% án phí cho bị đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về chi phí giám định công trình xây dựng, thẩm định tại chỗ: Xác định công trình thiệt hại do lỗi của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận 01 phần nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đều có cơ sở để chấp nhận 01 phần. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận 01 phần kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông La Quan L. Bà Huỳnh Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho ông La Quan L số tiền còn nợ của hợp đồng xây dựng là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H.

Ông La Quan L bồi thường cho bà Huỳnh Thị Ngọc H tổng chi phí khắc phục nâng, sửa chữa lại căn nhà tại phường P, quận R, thành phố Cần Thơ với số tiền là 224.570.000 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi ngàn đồng).

3. Chi phí giám định công trình xây dựng, thẩm định tại chỗ: Về chi phí giám định xây dựng - Theo biên lai thu tổng cộng là 54.445.000 đồng và chi phí thẩm định là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu chi phí này, bị đơn tạm nộp toàn bộ số tiền này nên nguyên đơn phải nộp hoàn lại cho bị đơn tổng cộng là 57.445.000 đồng tại giai đoạn thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông La Quan L phải nộp 11.228.500 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 4.812.500 đồng theo biên lai thu số 0000593 ngày 17/01/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, ông L còn phải nộp thêm 6.416.000 đồng (sáu triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H phải nộp 9.250.000 đồng (đã giảm 50% án phí), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 2.125.000 đồng theo biên lai thu số 007726 ngày 12/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, bà H còn phải nộp thêm 7.125.000 đồng (bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông La Quan L được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm ông L đã nộp theo biên lai thu số 006009 ngày 09/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm bà Hạnh đã nộp theo biên lai thu số 006010 ngày 11/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận Cái Răng;
- Chi cục THADS quận Cái Răng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Bình